

BÁO CÁO
SƠ KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 28/NQ-CP NGÀY
03/3/2021 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Thực hiện Kế hoạch số 2726/KH-BNV ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là sơ kết Chiến lược), cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Thuận lợi

Tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 3.537 km², dân số khoảng 1.911.002 người (năm 2024), sản xuất chính là nông nghiệp. Có 07 huyện, 02 thị xã và 2 thành phố với 155 xã, phường, thị trấn. Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND), sự nỗ lực của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn duy trì tăng trưởng ổn định và tăng dân qua từng năm.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch về công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội luôn chú trọng đặt ra các điều kiện, chỉ tiêu chăm lo tạo nguồn về phát triển vai trò của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và từng giai đoạn của tỉnh, của từng ngành và từng địa phương một cách nghiêm túc và có hiệu quả tạo điều kiện bước đầu cho cả nam và nữ phát huy quyền làm chủ và bình đẳng trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và trong gia đình, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh; tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội góp phần vào sự phát triển bền vững. Từ đó, đã làm chuyển biến tích cực, nhận thức, tư tưởng của người dân được nâng cao, đặc biệt là nhận thức về Luật Bình đẳng giới (BDG); sự quan tâm, chia sẻ và cách ứng xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mỗi gia đình, tại cộng đồng và trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã có những bước chuyển biến rõ rệt; vị thế của phụ nữ An Giang trong xã hội ngày càng được nâng cao.

2. Khó khăn

Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề đã và đang tồn tại là trở ngại lớn cho công tác bình đẳng giới như:

Trong giai đoạn đầu triển khai Chiến lược, tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của phụ nữ, làm tăng gánh nặng việc nhà, chăm sóc, ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của phụ nữ, phần nào ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong tỉnh.

Về kinh tế, chủ yếu dựa vào nền kinh tế nông nghiệp khiến phụ nữ thiếu cơ hội phát triển nghề nghiệp ngoài nông nghiệp, dẫn đến sự thiếu tự chủ tài chính và khả năng tham gia các quyết định quan trọng trong gia đình và cộng đồng; sự chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ cùng một vị trí công việc vẫn tồn tại, cơ hội để phụ nữ tiếp cận những việc làm có thu nhập cao vẫn thấp hơn so với nam giới, lao động nữ chưa được đánh giá cao như lao động nam, là đối tượng dễ bị rủi ro và tổn thương hơn khi doanh nghiệp có nhu cầu cắt giảm nhân lực,...

Về chính trị, tỷ lệ nữ giới làm công tác quản lý, lãnh đạo tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với các vị trí quản lý, lãnh đạo chung; trong gia đình, phụ nữ vẫn phải làm những công việc nội trợ là chủ yếu; vẫn còn tư tưởng trọng nam khinh nữ trong quá trình sinh con, nuôi con, chăm sóc con cái, kế hoạch hóa gia đình.

Tình trạng bạo lực gia đình, bạo lực, xâm hại trẻ em, lừa đảo qua mạng, dụ dỗ, lôi kéo phụ nữ, trẻ em tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật... chưa được kiểm soát chặt chẽ; chính sách đối với phụ nữ cao tuổi, phụ nữ đơn thân, phụ nữ khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn chưa đạt hiệu quả cao..

Mặc dù đã có tiến bộ trong việc thúc đẩy bình đẳng giới nhưng trong một số cộng đồng dân tộc thiểu số tại An Giang như Khmer, Chăm các định kiến giới vẫn còn tồn tại, hạn chế quyền lợi và cơ hội của phụ nữ, đặc biệt trong các quyết định gia đình và cộng đồng.

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật BDG, Chiến lược quốc gia về BDG giai đoạn của Trung ương. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo bằng việc ban hành Quyết định, Kế hoạch và nhiều công văn triển khai thực hiện công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ, công tác bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh An Giang (*phụ lục đính kèm*).

Bên cạnh đó, cơ quan thường trực Ban VSTBPN và BDG tỉnh An Giang (trước đây là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) đã ban hành nhiều văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác BDG hằng năm. Ngoài ra, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương cũng đã chủ động phối hợp xây dựng lồng ghép các

chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị, địa phương đảm bảo đạt hiệu quả.

2. Kết quả thực hiện, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Công tác phối hợp với các ngành thực hiện các hoạt động VSTBPN và BDG

Tiếp tục triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 24/7/2027 của Bộ Chính trị về “công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ như Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới, Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới, Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017- 2025”, Quyết định số 938/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027”, Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”, Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025”, Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”, thực hiện và lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu ngành, lĩnh vực phụ trách nổi bật như:

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề, Hội thi,... đẩy mạnh tuyên truyền giúp thu hẹp khoảng cách giới, nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, ngành, gia đình và học sinh trong phòng chống bạo lực, xâm hại, bóc lột trẻ em và bình đẳng giới, phối hợp với nhà trường đảm bảo an toàn cho học sinh, phòng chống tệ nạn xã hội và tình trạng vi phạm pháp luật trong học sinh, phòng chống bạo lực học đường, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phổ biến giáo dục pháp luật.¹

Hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai và hướng dẫn thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền lồng ghép bình đẳng giới vào hoạt động gia

¹ (2021-2024) tổ chức 04 lớp tập huấn, 30 cuộc nói chuyện chuyên đề, Hội thi vẽ tranh, Hội thi trực tuyến về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, công tác phòng chống bạo lực, xâm hại cho phụ nữ và trẻ em năm cho hơn 12.000 người tham dự.

đình và phòng, chống BLGD đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, phụ nữ, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các tầng lớp nhân dân về vai trò của gia đình, phòng ngừa BLGD và thúc đẩy bình đẳng giới trong đời sống xã hội.²

Sở Tư pháp tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật lồng ghép tuyên truyền nội dung công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới.³

Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.⁴

Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh đã thực hiện đăng tải các thông tin, tin, bài, bản tin đồ họa (infographic), video clip, banner và hình ảnh phục vụ công tác truyền thông trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại địa chỉ <http://angiang.gov.vn> và các trang mạng xã hội của Cổng thông tin điện tử tỉnh Zalo tại Official account “Cổng thông tin tỉnh An Giang”; Facebook tại địa chỉ <https://www.facebook.com/cttangiang> với nội dung xoay quanh các chủ đề nhận

² Một số hình thức tuyên truyền nổi bật như cổ động trực quan treo 9.944 băng rôn, 5.000 tờ rơi, 111 pano, 74 lượt xe hoa phóng thanh, 100 áp phích, 436 phướn. Hoạt động truyền thông đại chúng với 946 bài. 3.060 tin, 128 phóng sự, 76 chuyên mục, 37 câu chuyện truyền thanh trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở. Cấp huyện đã tổ chức các chương trình, sự kiện 1.373 cuộc thăm hỏi tặng quà với 33.958 người dự, 872 cuộc sinh hoạt chuyên về tại câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững với, 19.357 người tham gia. Bên cạnh các hoạt động của cấp huyện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn đẩy mạnh công tác tuyên truyền lồng ghép về bình đẳng giới thông qua nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, cụ thể như sau: Cổ động trực quan treo 436 băng rôn, 423 phướn, 35 pano, 11.000 tờ rơi. Tổ chức 04 xe hoa phóng thanh lưu động nhằm tuyên truyền rộng rãi đến cộng đồng. Phối hợp truyền thông đại chúng với 05 câu chuyện truyền thanh, 1 cuộc tọa đàm trên sóng Đài phát thanh truyền hình An Giang góp phần nâng cao nhận thức cho người dân trên địa bàn tỉnh. Phát hành tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, cung cấp 1.086 sách về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình cho địa phương Phối hợp tuyên truyền trên chuyên mục “Gia đình và Cuộc sống” Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh với 53 kỳ, thực hiện 53 kỳ trên chuyên trang chuyên mục trên báo An Giang... để phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình. Thực hiện 35 bài đọc tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện và xã tuyên truyền phát trên hệ thống đài truyền thanh cấp huyện và xã, duy trì thông tin thường xuyên đến người dân vùng sâu, vùng xa.. Tổ chức 08 chương trình văn nghệ và hội thi thu hút trên 2.000 đến xem, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong cộng đồng. Phối hợp tuyên truyền trên chuyên mục “Gia đình và Cuộc sống” Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh với 53 kỳ, thực hiện 53 kỳ trên chuyên trang chuyên mục trên báo An Giang.

³ Tập huấn về công tác hòa giải ở cơ sở cho hơn 700 hòa giải viên tham dự; Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật cho đoàn viên, thanh niên, có 217 lượt người tham dự. Biên soạn và cấp phát 670 cuốn tài liệu hòa giải ở cơ sở; 400 cuốn sổ tay bồi dưỡng kiến thức cho đồng bào dân tộc; 300 cuốn Sổ tay bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ Hội Phụ nữ ở cơ sở; 200 cuốn Sổ tay bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ Hội Nông dân ở cơ sở; 400 cuốn Sổ tay bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đoàn viên, thanh niên; 2.000 cuốn Bản tin Tư pháp An Giang số Xuân; số 30/4 năm 2021. Phối hợp với Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch phát sóng tình huống giải đáp pháp luật (mỗi tháng 02 tình huống, thời lượng từ 10 đến 15 phút/tình huống); phối hợp Tỉnh Đoàn tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật năm 2021 với tổng số 11055 lượt người tham gia và 12.885 lượt dự thi.

⁴ Thực hiện Mục tiêu 5.7 tại Quyết định 1015/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh An Giang: Thực hiện nâng cấp website Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh để đáp ứng các tính năng cơ bản của một cổng thông tin điện tử, góp phần đẩy mạnh tuyên truyền hoạt động của Hội, giúp hoạt động thông tin không bị gián đoạn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng. Tiếp tục phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh truyền thông Đề án Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ (Đề án 938) trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

thức bất bình đẳng giới, thu hẹp khoảng cách giữa nam và nữ; nâng cao kiến thức và vị thế của phụ nữ; các gương điển hình tiên tiến phụ nữ; đẩy lùi tình trạng bạo lực trên cơ sở giới và trẻ em, vấn đề xâm hại tình dục với phụ nữ và trẻ em; ngăn ngừa tình trạng trẻ em phải tham gia lao động sớm,... Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang thực hiện chuyên mục “Bình đẳng giới” trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang định kỳ 05 chuyên mục/năm (phát vào ngày chủ nhật tuần thứ 2 của tháng), thời lượng dưới 10 phút/chuyên mục; phối hợp Báo An Giang đưa các tin, bài về công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về VSTBPN và BDG trên mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng nội dung chú trọng việc tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đẩy lùi tư tưởng định kiến giới, đẩy lùi tình trạng bạo lực trên cơ sở giới, trong đó có vấn đề xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái trên địa bàn tỉnh.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị triển khai các chủ trương về công tác trẻ em, công tác bình đẳng giới với 65 người tham dự, qua đây nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị và hành động để thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng góp phần thúc đẩy thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh tổ chức Hội nghị tuyên truyền vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới với 300 người tham dự, qua đây nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, cơ quan, doanh nghiệp đối với công tác bình đẳng giới; tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục góp phần thay đổi nhận thức và hành vi xóa bỏ định kiến giới; đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới, giảm khoảng cách giới, từng bước phấn đấu thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Đồng thời, đảm bảo ít nhất 90% chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối được phổ biến, cập nhật thông tin về trẻ em, bình đẳng giới và phấn đấu thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới theo quy định.

Triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ” (Đề án 938), từ năm 2022 đến nay thành lập mới 11 “Tổ tư vấn pháp luật cộng đồng” với 150 thành viên góp phần thực hiện công tác phổ biến, hướng dẫn, tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ và người dân; tổ chức 12 cuộc truyền thông về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Trẻ em và kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em, thu hút 360 lượt hội viên, phụ nữ tham dự; tổ chức 02 lớp tập huấn cho báo cáo viên, tuyên truyền viên trong hệ thống Hội LHPN các cấp và cán bộ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ban Điều hành và Tổ giúp việc Đề án 938 cấp huyện về các nội dung liên quan đến chủ đề hàng năm của Đề án 938.

Thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (Đề án 939), Hội LHPN tỉnh triển khai thực hiện các hoạt động cụ thể như Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện Đề án; các cuộc thi khởi nghiệp; Ngày hội “Phụ nữ An Giang khởi nghiệp”; Tọa đàm với chủ đề “Phụ nữ khởi nghiệp và chuyển đổi xanh”; các lớp tập huấn; truyền thông Đề án; thành lập mô hình “Tổ hợp tác dệt

thỏ cảm và Tổ hợp tác làm quạt thốt nốt” tại thị trấn Óc Eo và thành lập mới 01 Hợp tác xã sản xuất và chế biến đường Thốt Nốt an toàn.

Triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” (Dự án 8) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 – 2025: tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ dân tộc thiểu số cấp huyện, xã; lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cho nữ ứng cử viên tiềm năng vận động tranh cử vào các cơ quan dân cử; phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh Đoàn tổ chức Cuộc thi Sáng tác sản phẩm truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới dành cho trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN... Qua đó, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

Tỉnh Đoàn tiếp tục duy trì các hoạt động tuyên truyền bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trên fanpage Tuổi trẻ An Giang, Cổng thông tin điện tử Tỉnh Đoàn, qua các video clip, bài viết, tuyên truyền gương điển hình nữ cán bộ Đoàn... thu hút 1.000.000 lượt tiếp cận hàng tháng.⁵

Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức tuyên truyền về Tháng Công nhân, nói chuyện chuyên đề về bình đẳng giới cho công nhân lao động và tuyên truyền pháp luật bình đẳng giới cho người lao động, chủ doanh nghiệp,...⁶

Ban VSTBPN và BDG cấp huyện tham mưu, xây dựng và cụ thể hóa thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú phù hợp tình hình của từng địa phương như truyền thông vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới trên mạng xã hội, đài phát thanh; tổ chức tập huấn, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề về bình đẳng giới và hưởng ứng kỷ niệm các ngày lễ 8/3, 20/10,... cho cán bộ, học sinh, người dân trong cộng đồng nhằm góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của từng cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình, nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trong tình hình mới, giảm thiểu tình trạng bạo lực.

2.2. Công tác cán bộ nữ

⁵ Tọa đàm xây dựng gia đình trẻ, tiến bộ, no ấm, hạnh phúc, văn minh năm 2021 với chủ đề “Bình đẳng giới - Hạnh phúc của mỗi gia đình” bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến và tuyên dương 12 gia đình trẻ tiêu biểu trong xây dựng gia đình trẻ ấm no, hạnh phúc năm 2021; Hội thi “Tìm kiếm sáng kiến thực hiện công tác bình đẳng giới” và vì sự tiến bộ của nữ thanh niên năm 2023 với sự tham gia của 11 đơn vị, thu hút trên 200 ĐVTN tham gia.

⁶ Kết quả 5 năm qua đã tuyên truyền trên 500 cuộc với trên 100 ngàn lượt đoàn viên, CNLĐ tham dự; mô hình “Sức khỏe của bạn” năm 2021 tại 02 doanh nghiệp có đông lao động nữ tại khu công nghiệp Bình Hòa và huyện Châu Phú; Kế hoạch số 400/KH-LĐLĐ ngày 11/6/2021 về thí điểm thành lập nghiệp đoàn giáo viên mầm non tư thục trên địa bàn thành phố Long Xuyên; Vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tích cực rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt vai trò của từng thành viên trong gia đình, xây dựng gia đình “no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” qua đó, có 46.072/52.354 nữ đoàn viên đăng ký tham gia phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” tỷ lệ 88%; có 35.822/47.449 nam đoàn viên đăng ký tham gia phong trào “Giỏi việc nước, chia sẻ việc nhà” tỷ lệ 75,5%.

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch thực hiện số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030” đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 238/QĐ-UBND của UBND tỉnh cho phù hợp với đặc điểm tình hình tại cơ quan, đơn vị. Công tác cán bộ nữ được cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, các ngành chú trọng hơn từ khâu quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đến khâu bố trí, đề bạt cán bộ nữ nhất là cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, đơn vị nhất là cấp phó phòng khá dồi dào và có triển vọng phát triển tốt.⁷

2.3. Công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang:

Theo số liệu thu thập thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã ghi nhận 24 vụ bạo lực gia đình.⁸

Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình “Ngăn ngừa giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới” tại huyện Chợ Mới, An Phú, Tri Tôn, Tịnh Biên nhằm hạn chế tình trạng bạo lực xảy ra, mọi người dân đều nâng cao ý thức về bình đẳng giới, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ và bình đẳng. Nhân rộng mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở các xã nông thôn mới theo lộ trình đến nay có 81 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh trên địa bàn tỉnh.

Tuyên truyền giới thiệu chức năng, nhiệm vụ hoạt động đường dây nóng phòng, chống mua bán người và bạo lực trên cơ sở giới 18008077, Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em 111 tại Trung tâm Công tác Xã hội - Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh An Giang.

⁷ Nổi bật như tổ chức Hội nghị đánh giá 5 năm thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về “Tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới”; đối thoại “Lắng nghe phụ nữ nói” giữa lãnh đạo tỉnh với cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ tập trung vào các vấn đề công tác cán bộ nữ, xây dựng đội ngũ cán bộ Hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, luân chuyển; công tác phụ nữ và bình đẳng giới để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện về: kiến thức, kỹ năng, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; việc tạo điều kiện cho Hội LHPN các cấp hoạt động vững mạnh; Hằng năm tổ chức Hội thảo, Tọa đàm và họp mặt cán bộ nữ chủ chốt chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cho cán bộ nữ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện,...

⁸ Cụ thể: Người gây bạo lực 23 trường hợp, đều là nam giới (Các biện pháp xử lý được áp dụng đối với các đối tượng này bao gồm góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư; Áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc với nạn nhân; Áp dụng các biện pháp giáo dục tại địa bàn xã, phường, thị trấn; Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật). Nạn nhân của bạo lực gia đình 24 người, trong đó có 01 nam và 23 nữ (Các nạn nhân đã được tiếp cận và hỗ trợ bằng các hình thức như tư vấn tâm lý, tinh thần và pháp luật; Chăm sóc, hỗ trợ sau khi xảy ra vụ việc bạo lực).

Phối hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây), Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tại Việt Nam tiếp nhận dự án mô hình Ngôi nhà Ánh Dương hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực tại tỉnh An Giang.

Phối hợp Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Quốc tế tại Việt Nam thực hiện phi dự án “Kỹ năng thành công” và phi dự án “Tăng cường sự tham gia của trẻ em và thanh thiếu niên với sự đa dạng về tình dục, giới tính trong quá trình phát triển chính sách ở Việt Nam - Tiếng nói cầu vồng” tại Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu và các trường Trung cấp, Đại học trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ thanh thiếu niên, trong đó có thanh niên LGBT+ tại An Giang được tiếp cận và trang bị các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng xanh, tư duy phát triển, kiến thức về bình đẳng giới và hòa nhập xã hội; trẻ em và thanh thiếu niên chịu ảnh hưởng bởi sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng dựa trên sự đa dạng về giới và tình dục tại tỉnh An Giang được tiếp cận và được bảo vệ theo quyền trẻ em, được đảm bảo về quyền tham gia vào việc phát triển chính sách hỗ trợ cho bản thân mình.

Hằng năm chỉ đạo, triển khai các hoạt động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từ ngày 15/11 đến ngày 15/12 phù hợp với điều kiện tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương như tổ chức Lễ phát động Tháng hành động, xe hoa diễu hành, treo băng rôn, tuyên truyền pháp luật, hội thi, hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề,... nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

2.4. Công tác nâng cao năng lực thực hiện công tác VSTBPN và BDG

Cơ quan thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới tỉnh (trước đây là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nay là Sở Nội vụ) hằng năm tham mưu tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác VSTBPN và BDG góp phần thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 nhiệm vụ tại đơn vị, địa phương.⁹

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Phòng Nội vụ) các huyện, thị xã, thành phố tổ chức/phối hợp các ngành liên quan tuyên truyền lồng ghép về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, phòng chống mua bán người, phòng chống xâm hại, bạo lực phụ nữ và trẻ

⁹ (2021-2025) một số nội dung nổi bật: Hội nghị triển khai cộng tác VSTBPN và BDG với hơn 100 người tham dự (/năm); Hội thảo, Tọa đàm thúc đẩy về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới cho cán bộ nữ và hưởng ứng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; 04 lớp tập huấn các kiến thức về bảo vệ trẻ em, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố với hơn 250 người tham dự; 04 lớp Hội thảo, Tập huấn công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ với hơn 320 người tham dự; 03 lớp Hội thảo, Tập huấn hướng dẫn thu thập số liệu thực hiện Chiến lược quốc gia, mô hình về bình đẳng giới cho hơn 300 người tham dự; 06 Hội thảo, Tọa đàm cho cán bộ nữ là lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, huyện, cấp trưởng phòng hưởng ứng chào mừng kỷ niệm thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với hơn 400 người tham dự; tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho cán bộ, người dân trong cộng đồng đồng tại 81 xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao với 100 người/xã tham dự,...

em gái, chăm sóc sức khỏe sinh sản,... hằng năm bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn 1.000 cuộc tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, tập huấn với hơn 30.000 người tham dự là cán bộ, học sinh, người dân trong cộng đồng.

2.5. Tổ chức bộ máy làm công tác VSTBPN và BDG

Hằng năm, UBND tỉnh đều củng cố, kiện toàn Ban VSTBPN và BDG cấp tỉnh, cấp huyện. Ban VSTBPN và BDG tỉnh có 26 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, đồng chí Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban Thường trực (trước đây). Nay Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Phó Giám đốc Sở Tài chính làm Phó Trưởng Ban; Ban VSTBPN và BDG các ngành, các cấp đều thực hiện tốt việc triển khai công tác VSTBPN và BDG tại đơn vị, địa phương

Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp tỉnh (kiêm nhiệm 1-3 lĩnh vực) là 03 người Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới phụ trách). Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có phân công chuyên viên kiêm nhiệm theo dõi, thực hiện công tác bình đẳng giới của đơn vị. Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp huyện (kiêm nhiệm thêm từ 2-4 lĩnh vực khác của ngành) là 22 người gồm 01 lãnh đạo và 01 chuyên viên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội của 11 huyện, thị xã, thành phố. Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp xã (kiêm nhiệm thêm từ 2- 4 lĩnh vực khác của ngành) tại 156 xã, phường, thị trấn là 312 người gồm 01 lãnh đạo và 01 cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ/Lao động - Thương binh và Xã hội/Văn hóa xã hội/Gia đình trẻ em - Bình đẳng giới tại UBND xã, phường, thị trấn.

2.6. Công tác kiểm tra, giám sát công tác VSTBPN và BDG

Hằng năm, tỉnh phát động phong trào thi đua và kiểm tra, giám sát tình hình triển khai chính sách, pháp luật, chương trình liên quan đến công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; công tác cán bộ nữ; tình trạng bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em gái; những vấn đề tác động tiêu cực đến sự phát triển của phụ nữ trong ngành, địa phương; tổ chức và hoạt động của các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ; khó khăn, vướng mắc của đơn vị, địa phương trong việc triển khai công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới nhằm phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, có cách giải quyết hoặc tiếp thu, đề xuất các giải pháp khắc phục để nâng cao hiệu quả công tác, đã kiểm tra 24 đơn vị là các sở, đoàn thể cấp tỉnh, Ban VSTBPN cấp huyện và doanh nghiệp.

Nhìn chung, các đơn vị đều có tổ chức thực hiện, lồng ghép các hoạt động liên quan đến công tác VSTBPN và BDG vào các hoạt động chung của cơ quan, doanh nghiệp, công tác thông tin, tuyên truyền được các đơn vị tổ chức thực hiện đa dạng tùy thuộc vào điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị góp phần từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, doanh nghiệp đã quan tâm và có nhiều chính sách, chế độ ưu đãi cho người lao động, nhất là đối với lao động nữ. Tuy nhiên, văn bản hướng dẫn thành lập Ban

VSTBPN tại cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, doanh nghiệp có nhiều lao động nữ đến nay không còn phù hợp, chưa có văn bản thay thế hoặc hướng dẫn cụ thể kiện toàn, củng cố tổ chức và triển khai thực hiện nên một số đơn vị còn lúng túng, hiểu nhầm về cách thức tổ chức và hoạt động của Ban VSTBPN tại đơn vị của mình, xem là nhiệm vụ của công tác Hội phụ nữ, nữ công, công đoàn không phải là trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị; chưa được các ngành đưa vào tiêu chí đánh giá kết quả công tác và bình xét thi đua khen thưởng.

2.7. Kinh phí thực hiện công tác VSTBPN và BDG: được bố trí và sử dụng có hiệu quả, như sau

- Năm 2021: ngân sách địa phương 2 tỷ đồng.
- Năm 2022: ngân sách địa phương 2 tỷ đồng.
- Năm 2023: ngân sách địa phương 2,3 tỷ đồng..
- Năm 2024: ngân sách địa phương 2,7 tỷ đồng.
- Năm 2025: ngân sách địa phương 3,1 tỷ đồng.

Ngoài ra, tùy vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động cân đối bố trí sử dụng trong dự toán được giao và nguồn huy động xã hội hóa hợp pháp khác và trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (cấp huyện ngân sách địa phương từ 30 - 150 triệu đồng/năm/huyện, cấp xã ngân sách cấp trung bình từ 10 - 30 triệu đồng/năm/xã, phường, thị trấn).

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu (tính đến 30/5/2025, ước tính đến hết năm 2025)

3.1. Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị

- Chỉ tiêu: Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

*** Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

Thực hiện tốt quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, đánh giá cán bộ, công chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia vị trí lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, đơn vị khối nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: có 164/614 lãnh đạo cấp tỉnh là nữ, chiếm tỷ lệ 26,71%.
- Cấp huyện: có 116/458 lãnh đạo cấp huyện là nữ, chiếm tỷ lệ 25,33%.
- Cấp xã: có 177/642 lãnh đạo cấp xã là nữ, chiếm 27,57%.

*** Kết quả triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu:**

Tham mưu giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng, bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đúng quy định, không phân biệt đối xử giữa nam và nữ ở cùng chức vụ, chức danh, vị trí việc làm.

Tham mưu thực hiện kiện toàn, sắp xếp, bổ nhiệm các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm tỷ lệ nữ nhằm thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; ưu tiên lựa chọn nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và đảm bảo chức vụ, chức danh theo quy hoạch.

Bố trí, tạo điều kiện, cơ hội để nữ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, ngoại ngữ, tin học,... đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu, tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh đảm nhiệm.

Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ để phục vụ cho việc xây dựng chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng và phê duyệt kế hoạch tạo nguồn nữ cán bộ, công chức, viên chức vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp tại các cơ quan, đơn vị bảo đảm tỷ lệ theo quy định; định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

Triển khai thực hiện kế hoạch tạo nguồn nữ cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nữ cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, hàng năm cho đội ngũ nữ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là nữ trong diện quy hoạch đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu, tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh đảm nhiệm.

**** Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện***

Vai trò của Ban VSTBPN ở một số nơi còn hạn chế, nhất là chưa tham mưu, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc có liên quan đến phụ nữ. Các loại tệ nạn xã hội, tình hình buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới, nạn bạo hành gia đình... vẫn còn diễn biến phức tạp.

Nhận thức và đánh giá của xã hội về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ, công chức nữ vẫn chưa đầy đủ, vẫn còn biểu hiện xem nhẹ phụ nữ.

3.2. Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 22% vào năm 2025 và 25% vào năm 2030.

**** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:***

- Chỉ tiêu 1: Theo hướng dẫn (của Bộ Lao động-TBXH trước đây) tỷ lệ lao động nữ làm công việc hưởng lương được công bố theo niên giám thống kê. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của tỉnh là 929.735 người (năm 2024), trong đó lực lượng lao động nữ chiếm hơn 48%; Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 72% (vượt kế hoạch đề ra), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30,9%; đã giải quyết việc làm mới cho 35.920 lao động, trong đó đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 752 lao động đạt 150,4%.

- Chỉ tiêu 2: Lao động làm việc trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng dịch chuyển sang các khu vực khác, đặc biệt là khu vực dịch vụ và khu vực công nghiệp - xây dựng với sức hút từ các khu công nghiệp. Số lao động nữ làm việc trong doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ hơn 60%.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt 27,47%.

*** *Kết quả triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu:***

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển tải thông tin về thị trường lao động đến từng địa phương, giúp người lao động kịp thời nắm bắt thông tin về việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm - An toàn lao động luôn được triển khai thực hiện tích cực, có hiệu quả, góp phần hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về thị trường lao động. Qua đó, có cơ sở dữ liệu cung cấp thông tin giúp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc định hướng, hoạch định các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; giúp các trường cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ... trên địa bàn tỉnh có cơ sở tham khảo để định hướng, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

Các hoạt động giao dịch việc làm trong thời gian qua được quan tâm đổi mới về hình thức và nội dung; thông tin thị trường lao động được phổ biến rộng rãi đến người lao động bằng nhiều hình thức đa dạng. Kết quả cho thấy hoạt động dịch vụ việc làm ngày càng nâng cao vai trò của mình trong việc kết nối cung - cầu lao động.

Phiên giao dịch việc làm đã trở thành địa chỉ quen thuộc của người lao động và người sử dụng lao động. Sàn giao dịch việc làm đã tăng tần suất và chất lượng phiên giao dịch; thông qua các phiên giao dịch việc làm từng bước phát triển thị trường lao động, tạo cơ hội cho người lao động, người sử dụng lao động và các cơ sở đào tạo nghề nghiệp tiếp cận về thông tin thị trường đầy đủ hơn; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong việc học nghề, tìm kiếm việc làm và tham gia xuất khẩu lao động.

Công tác điều tra, thu thập, cập nhật thông tin về cung, cầu lao động đã cung cấp cho các ngành, các cấp nhiều số liệu quan trọng để làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế xã hội, đồng thời góp phần quan trọng trong việc hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về thị trường lao động.

*** *Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện***

Phụ nữ vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận việc làm ổn định, lương cao, đặc biệt ở lĩnh vực kỹ thuật và quản lý. Lao động nữ thường có thu nhập thấp hơn nam dù làm công việc tương đương. Phụ nữ thường kiêm việc nhà, chăm con, khiến họ ít thời gian học tập, nâng cao tay nghề.

3.3. Mục tiêu 3: Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn.

- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi, 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2025 có 70% và năm 2030 có 100% cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

*** *Kết quả thực hiện chỉ tiêu:***

- Chỉ tiêu 1: Theo hướng dẫn (của Bộ Lao động-TB&XH trước đây) số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ được công bố theo niên giám thống kê. Số giờ trung bình hàng ngày (giờ/ngày) làm công việc trong gia đình không được trả công của dân số nữ 15 tuổi trở lên của tỉnh là 1,83 (năm 2023).

- Chỉ tiêu 2: Thực hiện theo kế hoạch đề ra các vụ việc xảy ra đều được các địa phương, tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ, can thiệp và xử lý kịp thời.

- Chỉ tiêu 3: Nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng. Sau khi tiếp nhận tất cả nạn nhân và công dân đều được lưu trú tạm thời tại Trung Tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, tại đây được khám sàng lọc sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ các bước ban đầu và có 01 buổi làm việc với Công an tỉnh. Khi hoàn tất các thủ tục đã thông báo cho địa phương nơi nạn nhân, công dân lưu trú phối hợp với các đơn vị liên quan đến tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân về gia đình tái hòa nhập cộng đồng.

- Chỉ tiêu 4: Hiện nay, có 04 cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp (Trung tâm CTXH-QBTTE tỉnh, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, 02 Văn phòng Công tác xã hội tại huyện Phú Tân và thị xã Tịnh Biên) triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

*** *Kết quả triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu:***

Hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Phòng VH TT huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác gia đình, trong đó có lồng ghép hoạt động bình đẳng giới vào công tác PCBLGD. Trên cơ sở đó, huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai đến cấp xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện. Để kịp thời nắm bắt thông tin và hỗ trợ huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn về công tác chuyên môn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phân công cán bộ phụ trách theo dõi, phối hợp với Phòng VH TT huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động mô hình PCBLGD trên địa bàn, qua đó thu thập thông tin, số liệu, khắc phục hạn chế, nắm những phản ánh, đề xuất, kiến nghị của địa phương. Từ đó mô hình PCBLGD từng bước được củng cố, phát triển, duy trì hoạt động góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện Luật PCBLGD, Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em... Hoạt động mô hình phòng, chống bạo lực gia đình gồm có câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, nhóm PCBLGD, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng được duy trì hoạt động nề nếp, ổn định, tổ chức sinh hoạt, họp định kỳ theo đúng quy chế mỗi tháng 1 lần, số người tham dự sinh hoạt từ 25-35 người/câu lạc bộ với các nội dung về xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng ngừa bạo lực gia đình, phòng, chống tệ nạn xã hội, lịch sử, ý nghĩa ngày quốc tế hạnh phúc 20/3, ngày gia đình Việt Nam 28/6, Vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới; hỗ trợ, giúp đỡ, tư vấn, ngăn chặn kịp thời các trường hợp gia đình có nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình, tham gia hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình; góp ý, phê bình tại cộng đồng dân cư trường hợp bạo lực gia đình tái diễn giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình tránh rủi ro về sức khỏe và tính mạng..., thu hút đông đảo các thành viên tham gia. Qua các buổi sinh hoạt, các thành viên có được những thông tin bổ ích và quan trọng là mỗi gia đình, mỗi thành viên đến sinh hoạt được giao lưu, được thể hiện bản thân gia đình mình, học tập kinh nghiệm, chăm lo đời sống gia đình lẫn nhau, tạo ra môi trường thân ái, đoàn kết, biết cách giải quyết mâu thuẫn, hạn chế xung đột gia đình để phòng ngừa bạo lực gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc. Bên cạnh, nhóm phòng, chống BLGD đã ngăn chặn kịp thời các vụ bạo lực xảy ra trên địa bàn khóm, ấp, bảo vệ nạn nhân bị bạo lực gia đình; các thành viên trong mỗi nhóm được phân công lập danh sách các đối tượng có nguy cơ cao gây bạo lực (nghiện rượu, đối tượng đã từng gây bạo lực, gia đình thường xuyên mâu thuẫn, gia đình không có thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn...) để theo dõi, gặp gỡ tư vấn về gia đình và PCBLGD.

**** Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện***

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng và trong hệ thống đoàn thể chưa nhiều, chưa sâu rộng, do đó nhận thức xã hội về giới, bình đẳng giới, nhất là đối với một bộ phận nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo... còn rất hạn chế và lệch lạc từ nhận thức đến hành vi.

Một bộ phận người dân còn chưa ý thức được tầm quan trọng về vai trò và vị trí của người phụ nữ trong gia đình, đóng góp của phụ nữ vào sự phát triển của xã hội hiện nay.

Biểu hiện định kiến về giới vẫn còn tồn tại trong một bộ phận cán bộ và nhân dân khá phổ biến trong xã hội; một bộ phận phụ nữ còn tự ti, an phận, khả năng phấn đấu hạn chế.

Việc thu thập, thống kê các số liệu có liên quan để phục vụ công tác tổng hợp báo cáo còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các chỉ số thực hiện các mục tiêu Bình đẳng giới (những số liệu trong thống kê chưa có sự tách biệt giới).

Nhận thức và đánh giá của xã hội về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ, công chức nữ vẫn chưa đầy đủ, vẫn còn biểu hiện xem nhẹ phụ nữ.

Thành viên Ban VSTBCPN các cấp thường xuyên luân chuyển, thay đổi nên đôi lúc chưa chủ động phối hợp cùng các ngành chức năng trong việc khảo sát thực trạng công tác phụ nữ và hoạt động bình đẳng giới trên địa bàn để xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm phát huy nguồn nhân lực nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công tác vận động nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động thực hiện mục tiêu Bình đẳng giới của Hội LHPN các cấp còn hạn chế, bản thân Hội LHPN các cấp không đủ nguồn lực tài chính để thực hiện trên diện rộng các hoạt động nhằm hỗ trợ phụ nữ thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

3.4. Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm từ 23 ca sinh/1.000 phụ nữ xuống 18/1.000 vào năm 2025 và dưới 18/1.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Có ít nhất 01 cơ sở y tế cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới.

*** Kết quả thực hiện chỉ tiêu:**

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ giới tính khi sinh 05 tháng đầu năm 2025 (số trẻ sơ sinh trai/ 100 trẻ sơ sinh gái) là 110,35, ước thực hiện năm 2025 là 108,56, đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đề ra.

- Chỉ tiêu 2: Tính đến 30/4/2025, toàn tỉnh chưa ghi nhận trường hợp tử vong mẹ liên quan đến thai sản, ước tính tỷ lệ tử vong mẹ liên quan đến thai sản (trên 100.000 trẻ đẻ sống) năm 2025 ở mức dưới 30, đạt kết quả so với mục tiêu đề ra.

- Chỉ tiêu 3: Tính đến ngày 30/4/2025, tổng số phụ nữ đẻ trong độ tuổi vị thành niên là 494 người. Tỷ suất sinh ở vị thành niên trên 1.000 phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49 trong 04 tháng đầu năm 2025 là 0,95, ước tính cả năm 2025, tỷ lệ này < 18/1.000 phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49.

- Chỉ tiêu 4: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để các bác sỹ, nhân viên y tế và người dân đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hiểu đúng về người đồng tính, song tính và chuyển giới. Khi tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho người đồng tính, song tính, chuyển giới phải bình đẳng, tôn trọng về giới tính, không phân biệt đối xử, kỳ thị đối với các đối tượng này. Không coi đồng tính, song tính, chuyển giới là một bệnh. Không can thiệp, ép buộc điều trị đối với các đối tượng này, nếu có chỉ là hỗ trợ về tâm lý và do người có hiểu biết về bản dạng giới thực hiện.

*** *Kết quả triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu:***

- Tất cả các cơ sở y tế cam kết không thông báo giới tính thai nhi;
- Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định không thông báo giới tính thai nhi và không cung cấp dịch vụ loại bỏ thai nhi vì lý do giới tính tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Ngành Y tế không ngừng kiện toàn công tác Dân số - KHHGD, chăm sóc sức khỏe sinh sản từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ làm công tác Dân số - KHHGD. Tổ chức triển khai mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, tiếp tục thực hiện Đề án Sàng lọc trước sinh và sơ sinh góp phần làm hạn chế nguy cơ tai biến sản khoa, hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong mẹ liên quan đến thai sản.

- Ngành Y tế tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên, phối hợp với các sở ban ngành, đoàn thể tuyên truyền sâu rộng, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho trẻ vị thành niên/thanh niên.

*** *Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện***

Một bộ phận phụ nữ ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản, đặc biệt là các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và phòng ngừa các bệnh phụ khoa.

3.5. Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Chỉ tiêu 1: Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường đại học, cao đẳng từ năm 2025 trở đi.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái vùng dân tộc hoàn thành giáo dục tiểu học đạt trên 90% vào năm 2025 và khoảng 99% vào năm 2030; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt khoảng 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt trên 30% vào năm 2025 và 40% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

*** *Kết quả thực hiện chỉ tiêu:***

- Chỉ tiêu 1: tích cực đưa nội dung này vào giảng dạy tích hợp bằng nhiều hình thức như giáo dục ngoài giờ lên lớp và các môn học Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế - pháp luật; Sinh học, Địa lý, Ngữ văn... và đưa vào nội dung Kế hoạch hoạt động Hội đồng cốt cán năm học 2024-2025. Hàng tháng sinh hoạt Hội đồng cốt cán các cấp đã tổ chức tốt các tiết thao giảng có tích hợp nội dung này qua đó góp phần xóa bỏ định kiến về giới, phân biệt đối xử trên cơ sở giới, qua đó thúc đẩy thực hiện BDG tốt hơn trong nhà trường và cộng đồng.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái vùng dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt 97,93%; chương trình trung học cơ sở đạt 94,91%.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ học viên, học sinh được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp đạt 33,89%.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ lãnh đạo nữ có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ quan, đơn vị khối nhà nước trên địa bàn tỉnh: Trình độ thạc sĩ: 173/572 trong tổng số lãnh đạo các cấp, chiếm tỷ lệ 30,24%. Trình độ tiến sĩ: 03/49 trong tổng số lãnh đạo các cấp, chiếm tỷ lệ 6,12%.

**** Kết quả triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu:***

Tiếp tục thực hiện Công văn số 4060/SGDDT-GDTrH-GDTX ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc triển khai nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân theo chỉ thị 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục quyền con người trong các cơ sở giáo dục, nhất là việc tích hợp dạy học về nhân quyền vào môn Giáo dục công dân trong các cơ sở giáo dục. Thực hiện công văn chỉ đạo của Sở, các trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) đã tích cực đưa nội dung này vào giảng dạy tích hợp trong các môn khoa học xã hội, nhất là môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế-pháp luật. Việc thực hiện nội dung giáo dục quyền con người có tác dụng rất lớn trong việc góp phần xóa bỏ định kiến về giới, phân biệt đối xử trên cơ sở giới, qua đó thúc đẩy thực hiện BDG tốt hơn trong nhà trường và cộng đồng.

Việc giáo dục tích hợp vì sự tiến bộ của phụ nữ và BDG cho học sinh THCS, THPT các trường học được coi trọng, bằng nhiều hình thức: Giáo dục ngoài giờ lên lớp và các môn học Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế-pháp luật; Sinh học, Địa lý, Ngữ văn... và đưa vào nội dung Kế hoạch hoạt động Hội đồng cốt cán các năm học. Hàng tháng sinh hoạt Hội đồng cốt cán các cấp đã tổ chức tốt các tiết thao giảng có tích hợp nội dung này.

Thực hiện tốt BDG trong công tác đào tạo đội ngũ đã góp phần thúc đẩy công tác bồi dưỡng về năng lực, trình độ, phẩm chất chính trị cho cán bộ nữ đủ sức đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; giúp cho viên chức, lao động nữ thể hiện tốt hơn các phẩm chất tự tin, tự trọng, phát huy tài năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại cơ quan, đơn vị qua đó đã góp phần rất lớn trong việc nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của cơ quan, đơn vị.

**** Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện***

Trong các đơn vị trường học không có cán bộ chuyên trách công tác BDG; cán bộ kiêm nhiệm công tác BDG là chuyên viên, giáo viên trực tiếp giảng dạy; đồng thời phần thời gian làm việc đều ưu tiên dành cho công tác chuyên môn vì vậy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền BDG chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

3.6. Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông

- Chỉ tiêu 1: Phần đầu đạt 60% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030 dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 3: Từ năm 2025 trở đi 100% xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.

- Chỉ tiêu 4: Duy trì đạt 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới hằng tháng.

**** Kết quả thực hiện chỉ tiêu:***

- Chỉ tiêu 1: Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, lồng ghép phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình; chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em; phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục về các dịch vụ an sinh xã hội, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới, các chính sách an sinh xã hội,...

- Chỉ tiêu 2: Các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể, cơ sở giáo dục các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, họp định kỳ, tuyên truyền nhân dịp ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Gia đình Việt Nam, Tháng Phòng chống bạo lực gia đình,...

- Chỉ tiêu 3: Các xã, phường, thị trấn hàng tuần, tháng, quý đưa tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở.

- Chỉ tiêu 4: phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Báo An Giang thực hiện chuyên mục, tin, bài viết về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng, quý.

**** Kết quả triển khai các giải pháp thực hiện mục tiêu:***

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các địa phương tăng cường tuyên truyền trên tất cả các kênh truyền thông như phát thanh, truyền hình, báo in, báo điện tử, cổng/trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền,

lồng ghép phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình; chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em; phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục về các dịch vụ an sinh xã hội, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới, các chính sách an sinh xã hội,... Các tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể, cơ sở giáo dục các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, họp định kỳ, tuyên truyền nhân dịp ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Gia đình Việt Nam, Tháng Phòng chống bạo lực gia đình,... Tăng cường công tác tuyên truyền trên đài phát thanh cấp xã, phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Báo An Giang thực hiện chuyên mục, tin, bài viết về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng, quý. Hằng năm, tỉnh đều hỗ trợ công tác tuyên truyền trên đài phát thanh cấp xã.

**** Khó khăn và hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện***

Trong quá trình thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và hạn chế. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân viên trong ngành còn hạn chế, chưa thực sự hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của bình đẳng giới. Điều này dẫn đến việc triển khai các hoạt động truyền thông về giới chưa hiệu quả, thiếu chiều sâu, thậm chí đôi khi vẫn tái hiện những định kiến giới cũ. Ngoài ra, nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới còn dàn trải, chưa được đầu tư bài bản, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý và đơn vị truyền thông. Việc đào tạo, nâng cao năng lực về giới cho đội ngũ làm công tác thông tin cũng chưa được quan tâm đúng mức. Hơn nữa, nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các chương trình truyền thông giới còn hạn chế, khiến cho việc triển khai thiếu tính bền vững và đồng bộ. Những yếu tố này là rào cản lớn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới một cách thực chất trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Những kết quả đạt được

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới. Hằng năm, tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới để nắm bắt tình hình, qua đó có những chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời.

Ban VSTBPN các cấp luôn được củng cố về tổ chức bộ máy và hoạt động đi vào nề nếp, đã phát huy được vai trò trong chỉ đạo hoạt động VSTBPN trong toàn tỉnh, góp phần thực hiện tốt một số mục tiêu, nhất là các mục tiêu về lao động, việc làm, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe, thông tin truyền thông.

Sự phối hợp giữa các Sở, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình hoạt động Bình đẳng giới ngày càng chặt chẽ và đạt hiệu quả cao hơn.

2. Những tồn tại hạn chế, nguyên nhân

Nhận thức về giới, bình đẳng giới tuy đã có sự chuyển biến nhưng vẫn còn một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với cán bộ nữ; một số bộ phận chị em còn nhiều tự ti, tâm lý an phận, chưa mạnh dạn phấn đấu vươn lên, chưa tạo được niềm tin cho lãnh đạo, mặt khác do đời sống vật chất còn khó khăn nên phần nào cũng hạn chế sự phấn đấu của phụ nữ.

Việc triển khai chương trình và kế hoạch hành động ở các ngành, các cấp có đơn vị còn lúng túng, nhất là trong việc thực hiện lồng ghép giới vào các hoạt động chuyên môn, vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, chưa tạo được tính pháp lý, xác định trách nhiệm trong thực hiện nên kết quả đạt được còn chưa cao.

Các thành viên Ban VSTBPN các cấp thường xuyên thay đổi (do luân chuyển, chuyển công tác) và phần lớn làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, kinh phí hoạt động còn hạn chế nên chưa đầu tư đúng mức cho các hoạt động tuyên truyền của Ban VSTBPN; có đơn vị còn nhầm lẫn giữa nhiệm vụ của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ với hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ và cho rằng hoạt động của Ban là hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ.

Một số đơn vị chưa quan tâm đến trách nhiệm báo cáo định kỳ (các thành viên trong Ban VSTBPN) nên gặp nhiều khó khăn việc thu thập số liệu từ các ngành có liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu của công tác này (do các ngành chỉ báo cáo các hoạt động tại đơn vị mà không báo cáo nội dung việc thực hiện mục tiêu liên quan của ngành chịu trách nhiệm quản lý trong toàn tỉnh), nên chưa đánh giá chính xác kết quả đạt bao nhiêu % so với chỉ tiêu của kế hoạch, số liệu báo cáo còn thiếu sự tách biệt về giới.

3. Bài học kinh nghiệm

Các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác phụ nữ, trong đó chú trọng đến công tác cán bộ nữ; tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực hoạt động đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt có bản lĩnh chính trị, có trình độ, năng lực, có phẩm chất đạo đức.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới nhằm nâng cao nhận thức của các cấp các ngành và nhân dân trên lĩnh vực bình đẳng giới.

Không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, đa dạng hóa các loại hình tập hợp phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của phụ nữ.

4. Kiến nghị đề xuất

Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của Luật BDG và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả trong tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương.

Tăng cường nâng cao nhận thức đúng đắn và sự cam kết mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong thực hiện BDG, việc thay đổi thái độ tích cực và trách nhiệm cao của cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp là tiền đề cơ bản thúc đẩy chất lượng, hiệu quả công tác BDG. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về BDG có ý nghĩa rất quan trọng và cần được tiếp tục tăng cường.

Đẩy mạnh trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thực hiện hiệu quả việc lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về BDG là yếu tố và giải pháp then chốt. Đặc biệt, cần tăng cường việc giám sát và thực thi các quy định này trong thực tiễn.

Tiếp tục, tăng cường năng lực của tổ chức, bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về BDG và VSTBPN là yếu tố nền tảng; nhất là, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp vừa có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, vừa tâm huyết với công tác bình đẳng giới. Cơ chế phối hợp liên ngành có hiệu quả có ý nghĩa quan trọng bảo đảm công tác bình đẳng giới đạt kết quả tốt.

Tăng cường vai trò chủ động và năng lực tham mưu cho Hội Liên Phụ nữ và Ban VSTBPN các cấp trong việc tham mưu lồng ghép giới, chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra công tác BDG một cách thường xuyên giúp cho việc nắm bắt tình hình tốt hơn và kịp thời đề xuất các giải pháp giải quyết những vấn đề giới nổi cộm. Qua đó, nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc thúc đẩy BDG.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo đảm quyền của phụ nữ: luật hóa đầy đủ, kịp thời các chuẩn mực quốc tế về quyền của phụ nữ trong các công ước quốc tế Việt Nam đã tham gia; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, khắc phục hạn chế, rào cản từ thể chế, quan tâm xây dựng thể chế đặc thù bảo đảm quyền của phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số theo yêu cầu của Công ước CEDAW để tạo cơ sở pháp lý cho phụ nữ Việt Nam tiếp cận và hưởng quyền.

Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực để bảo đảm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay. Chú trọng tăng cường hoạt động nghiên cứu pháp luật, thông qua việc thường xuyên tổ chức các hội thảo khu vực và quốc tế nhằm tìm hiểu nội dung các Công ước của Liên Hợp quốc liên quan trực tiếp và gián tiếp đến việc bảo đảm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, kể cả những công ước mà các quốc gia tham dự hội thảo chưa tham gia, ký kết và phê chuẩn. Đây sẽ là những diễn đàn thích hợp giúp cho các quốc gia tham dự có điều kiện trao đổi kinh nghiệm áp dụng các công ước này trong hoàn cảnh và điều kiện

cụ thể của mỗi quốc gia, từ đó, một mặt, chỉ ra những điểm cần bổ sung cho công ước đề phù hợp với thực tiễn đời sống quốc tế; mặt khác, rút ra những bài học trong công tác nội luật hóa và thực hiện có hiệu quả những công ước đó trong hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam.

Cần chú trọng đầu tư phát triển năng lực nghiên cứu chính sách bình đẳng giới trong chính trị dựa trên bằng chứng cho các đơn vị hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới nhằm nâng cao chất lượng công tác tham mưu chính sách bình đẳng giới cho các cấp ủy Đảng và chính quyền.

Cần có đề án thực hiện công tác truyền thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và các trang mạng xã hội.

Quan tâm lồng ghép vấn đề giới và bình đẳng giới, quyền của phụ nữ vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng học sinh các cấp và trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trên đây là báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CTTN&BDG - BNV;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức